

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HÓA**

Số: 23 /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hướng Hóa, ngày 13 tháng 01 năm 2020

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019
và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020**

Phần thứ nhất

Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện chương trình

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Tổ chức, tuyên truyền các chủ trương, chính sách về xây dựng nông thôn mới để cụ thể hóa Nghị quyết của Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020.

- Tổ chức Lễ công bố xã Tân Thành đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 theo Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018.

- Phối hợp với Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh làm việc với UBND xã Hướng Lập, xã thuộc Đề án theo Quyết định 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện xây dựng thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới.

- Phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh làm việc với UBND xã Tân Hợp, xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2020 để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

- Phối hợp với UBND các xã: Hướng Lập, Hướng Phùng, Ba Tầng, A Dơi, Thanh rà soát hiện trạng nông thôn mới của 37 thôn, bản theo Quyết định 3040/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị.

- Tổ chức rà soát, kiểm tra việc thực hiện 19 tiêu chí tại các xã chưa đạt chuẩn, xây dựng lộ trình, kế hoạch để nâng cao tiêu chí của các xã vào cuối năm 2019 và năm 2020, để đạt kế hoạch chung của tỉnh là huyện miền núi không có xã nào đạt dưới 8 tiêu chí.

- Tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và phong trào Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới.

2. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

UBND huyện rà soát và ban hành Quyết định kiện toàn Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện 2019. Trong năm, Văn phòng Điều phối nông thôn mới có sự thay đổi nhiều về thành viên, do một số cán bộ về hưu theo chế độ, một số cán bộ thay đổi, luân chuyển công tác nên gặp một số khó khăn nhất định.

CHỖ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG
NH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2016-2020
VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI

Số: 4.1
Ngày: 17.01.2020
Chuyên: CT
Lưu hồ sơ số: 23

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

- Công tác kiểm tra, rà soát quy hoạch của xã luôn được thực hiện thường xuyên để điều chỉnh để phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch nông thôn mới còn gặp một số khó khăn như: Nhu cầu vốn để thực hiện các nội dung quy hoạch nông thôn mới khá lớn so với khả năng đầu tư của Ngân sách cũng như nguồn nội lực huy động tại chỗ trong nhân dân.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

Từ nguồn vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương và địa phương đầu tư trực tiếp xây dựng nông thôn mới, toàn huyện trong năm xây dựng 104 công trình đường giao thông nông thôn và đường ra khu sản xuất, 06 công trình trường học, 07 công trình cơ sở vật chất văn hóa, 02 công trình nước sạch với tổng nguồn vốn 68.903 triệu đồng.

- Đánh giá chung về mức độ đạt theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, những tiêu chí đạt thấp và nguyên nhân:

Mặc dù, được quan tâm đầu tư từ nhiều nguồn nhưng một số tiêu chí về cơ sở hạ tầng nông thôn có mức độ đạt còn thấp như: Giao thông, Trường học, Cơ sở vật chất văn hóa, nhà ở dân cư...Nguyên nhân do huyện miền núi có xuất phát điểm thấp, trong khi nhu cầu về đầu tư cơ sở hạ tầng rất lớn, ngân sách địa phương và đóng góp của nhân dân thì không đáng kể, chủ yếu phụ thuộc vào nguồn ngân sách trung ương.

3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

- Tiếp tục triển khai các Đề án đã được thực hiện trong những năm qua đó là: Đề án Tái canh cây cà phê thực hiện tại các xã Hướng Phùng, Hướng Tân, Ba Tầng, Thị trấn Khe Sanh, Húc (tổng số phân hữu cơ vi sinh đã cấp cho các xã để tái canh là 101,85 tấn hữu cơ vi sinh Sông Gianh). Đề án chuyển đổi diện tích trồng sắn kém hiệu quả sang trồng cây cao su tại các xã Xy, A Dơi, A Túc, với diện tích hỗ trợ là 13,8 ha với 47 hộ hưởng lợi. Đặc biệt, với nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương chương trình Nông thôn mới, đã lắp đặt vườn ươm công nghệ cao đưa vào sản xuất năm 2020, tạo ra cây giống đảm bảo chất lượng phục vụ Chương trình tái canh cà phê năm 2020 và những năm tiếp theo;

- Ngoài ra trên địa bàn huyện còn thực hiện một số dự án khác như liên kết với công ty Cổ phần Nafood Tây Bắc thực hiện trồng 12 ha chanh leo, trong đó 09 ha sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap và 03 ha sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ tại xã Tân Liên, Hướng Tân, Hướng Phùng, trong đó trong đó Nhà nước hỗ trợ một phần cây giống, phân bón, vật tư khác (từ nguồn sự nghiệp ngân sách trung ương thực hiện chương trình nông thôn mới)...và công ty sẽ hợp đồng cung cấp cây giống đảm bảo chất lượng, hỗ trợ về khoa học kỹ thuật và đặc biệt là ký hợp đồng

bao tiêu sản phẩm cho bà con nông dân. Đây có thể coi là mô hình liên kết giữa nhà nước, nhà nông và nhà doanh nghiệp đầu tiên trên địa bàn.

- Mô hình trồng cỏ nuôi bò sinh sản từ Chương trình hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn theo Quyết định 23/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững từng bước đem lại hiệu quả, người dân dần dần thay đổi phong tục tập quán sản xuất từ chăn thả rong sang nuôi nhốt kết hợp với trồng cỏ và làm chuồng trại. Nhờ vậy mà công tác quản lý dịch bệnh càng ngày càng được tốt hơn.

- Dự án Phát triển sinh kế (EMEE) hỗ trợ cho 26 nhóm hộ sản xuất, trong đó có 17 nhóm sản xuất cà phê của 03 xã Hướng Phùng, Hướng Sơn, Hướng Tân và 09 nhóm sản xuất gừng của 04 xã Hướng Việt, Hướng Lập, Hướng Phùng, Hướng Tân Hợp được hợp đồng bao tiêu sản phẩm với các cơ sở chế biến, các công ty trong và ngoài địa bàn.

Huyện cũng đã quan tâm triển khai chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), UBND huyện đã ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm năm 2019 cũng như đã ban hành Quyết định thành lập Ban điều hành Chương trình OCOP cấp huyện do đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban, Thành lập Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm và Tổ giúp việc Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm. Kết quả đánh giá phân hạng sản phẩm có 05 sản phẩm đạt 03 sao cấp huyện gửi Hội đồng cấp tỉnh đánh giá phân hạng.

- Về lĩnh vực đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Tham mưu UBND huyện Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 24/01/2019 của UBND huyện về việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2019;

Hướng dẫn cơ sở dạy nghề triển khai thực hiện công tác tuyển sinh, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”. Trong năm đã phối hợp với các cơ quan đơn vị, các cơ sở đào tạo nghề mở 16 lớp dạy nghề cho lao động nông thôn với 342 học viên theo học.

4. Giảm nghèo và an sinh xã hội

Thực hiện tốt các nội dung của Chỉ thị số 07/CT-TU ngày 22/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định 2553/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2020. Trong năm đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các chính sách giảm nghèo bền vững theo phương pháp tiếp cận đo lường nghèo đa chiều, theo số liệu điều tra sơ bộ toàn huyện có 4.708 hộ nghèo, chiếm 21,25% (giảm 3,33% vượt 0,335% Kế hoạch đề ra) và 2.346 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 10,59%.

Hoàn thành việc cấp phát 388,1 tấn gạo của Chính phủ cho 4.918 hộ, 25.873 khẩu thuộc đối tượng là hộ nghèo người dân tộc thiểu số, hộ gia đình gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đang thiếu lương thực trong kỳ giáp hạt năm 2019 đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch từ cơ sở, trị giá 4.305 triệu đồng (trong đó kinh phí của huyện là: 136 triệu đồng vận chuyển từ huyện về xã), mức 15kg/khẩu.

Tham mưu BCĐ Giảm nghèo bền vững huyện ban hành Kế hoạch số 47/KH-BCĐ ngày 18/2/2019 về kế hoạch giảm nghèo năm 2019. Phối hợp với Sở Lao động - TBXH tỉnh tổ chức triển khai kế hoạch và hướng dẫn nghiệp vụ 2 lớp (01 lớp Sở LĐTBXH tổ chức, 01 lớp Phòng LĐTBXH tổ chức) điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2019 cho Ban chỉ đạo huyện, các xã, thị trấn và điều tra viên các xã, thị trấn với trên 260 đại biểu tham gia.

Hướng dẫn các xã hoàn thành việc lập danh sách hộ nghèo năm 2019 thuộc hội đoàn thể; kết quả: Hội Nông dân có 2.680 hộ nghèo; Phụ nữ 695 hộ; DTN: 1.281 hộ và CCB 378 hộ. Chuẩn bị các điều kiện để ký giao ước thi đua với các hội đoàn thể năm 2019.

5. Phát triển giáo dục ở nông thôn

Quy mô trường lớp phát triển ổn định, học sinh đến trường đảm bảo. Tiếp tục duy trì kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ, phổ cập giáo dục THCS (20/20 xã đạt), thực hiện phổ cập giáo dục bậc Trung học (2/20 xã đạt).

Chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, nền nếp kỷ cương dạy và học được giữ vững, môi trường giáo dục thân thiện ngày càng phát huy tác dụng, học sinh tích cực, tự giác trong học tập và rèn luyện. Huy động học sinh trong độ tuổi đến trường được duy trì với tỷ lệ cao.

Thực hiện tốt việc rà soát, quy hoạch và sắp xếp bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên hiện có.

Kết quả thực hiện Chương trình nông thôn mới năm 2019

- Kết quả phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ em 5 tuổi (MNTNT): Số xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: 20/20, tỉ lệ: 100%.

- Kết quả xóa mù chữ: Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1; Mức độ 1: 3/20, tỉ lệ: 13,63% ; Mức độ 2: 19/20, tỉ lệ: 86,37%. Hiện nay đã tổ chức giảng dạy được 6 lớp, 179 học viên (Húc: 03 lớp, 134 học viên; Hướng Linh: 3 lớp, 45 học viên).

- Kết quả phổ cập giáo dục Tiểu học: đạt chuẩn mức độ 3; số xã đạt chuẩn PCGD tiểu học Mức độ 3: 22/22, tỉ lệ: 100%.

- Kết quả phổ cập giáo dục THCS: đạt chuẩn phổ cập mức độ 1; Mức độ 1: 6/22, tỉ lệ: 27,27%; Mức độ 2: 14/22, tỉ lệ: 63,64%; Mức độ 3: 02/22, tỉ lệ: 9,09% .

- Kết quả phổ cập giáo dục bậc trung học: chưa đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc Trung học; số xã đạt chuẩn phổ cập bậc Trung học: 02/22. Tỉ lệ: 9,09%

6. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn

Công tác khám chữa bệnh cho người dân và phòng chống dịch bệnh được thực hiện tốt. Tiếp tục duy trì công tác tiêm chủng thường xuyên các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng tại các xã. Công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường, tổ chức các đợt kiểm tra liên ngành, giám sát chuyên ngành. Kết quả:

- Cơ sở vật chất:

- + Các Trạm y tế các xã được xây dựng kiên cố: Ba Tầng, A Dơi, Thanh, Thuận, Tân Thành, Tân Long, Tân Lập, Tân Liên, Tân Hợp.

- + Năm 2019 đang đầu tư, xây mới cho các Trạm Y tế xã: Hướng Lập, Húc, Hướng Linh.

- + Các xã còn lại nhà cấp 4 với đầy đủ cơ sở vật chất, các phòng chuyên môn phục vụ cho khám sức khỏe ban đầu cho người dân tại cơ sở y tế.

- Trang thiết bị y tế: đáp ứng về cơ bản nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân tại các cơ sở y tế.

- Nhân lực: 100% Trạm y tế các xã, thị trấn có Bác sĩ và nữ hộ sinh.

- Xã đạt Bộ Tiêu chí Quốc gia về y tế:

- + 100% xã đạt Bộ Tiêu chí Quốc gia về y tế.

- + Năm 2019 thẩm định lại 02 xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế (Tân Thành, Tân Hợp).

7. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn

Năm 2019, UBND huyện đã chỉ đạo kịp thời việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại các xã thông qua phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; trên lĩnh vực thông tin và truyền thông, hoạt động đưa thông tin về cơ sở... Tỉ lệ thôn bản, khối xóm đạt chuẩn văn hóa, mức hưởng thụ văn hóa ngày được nâng cao đáp ứng nhu cầu đời sống của người dân. Sân chơi, bãi tập thể thao phục vụ các hoạt động văn hóa, thể thao của các xã ngày càng hoàn thiện và đạt theo tiêu chuẩn. Các điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi ở các xã từng bước được xây dựng. Hiện nay, có 142 thôn có nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, 178 sân bóng đá, bóng chuyền. Các điểm phục vụ bưu chính hoạt động hiệu quả, dịch vụ viễn thông, internet được xây dựng cơ sở hạ tầng về tận các thôn bản; Đài Truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn ở một số xã hoạt động tương đối tốt đã tạo được bộ mặt văn hóa nông thôn mới. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành của từng địa phương đang được triển khai và đẩy mạnh.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã góp phần trong việc tăng trưởng về kinh tế, xóa đói giảm nghèo, các hoạt động văn hoá - xã hội được tăng cường đã tạo ra hiệu quả thiết thực; có sức lan tỏa sâu rộng, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống xã hội, hình thành nhiều phong trào văn hóa riêng biệt ở

các vùng miền, từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá ngày càng cao của nhân dân; phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" từng bước đi vào chiều sâu, góp phần vào việc giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy kinh tế phát triển.

8. Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề

- Phong trào chỉnh trang nông thôn, vệ sinh nông thôn, hưởng ứng các đợt phát động "Tuần lễ chỉnh trang nông thôn mới" đường làng, ngõ xóm được duy trì đều đặn, thường xuyên, các chỉ số về môi trường nông thôn có tăng so với năm 2018,

- Trên địa bàn hiện nay, hầu hết các xã đã thực hiện công tác quy hoạch nghĩa trang và quản lý nghĩa trang theo quy hoạch, trong đó các xã vùng bán nghĩa trang được quy hoạch theo phong tục tập quán lâu đời.

- Tình hình thành lập các tổ thu gom rác thải: Đối với các xã đường 9 (Tân Hợp, Tân Liên, Tân Lập, Tân Long, Tân Thành) được Trung tâm Môi trường đô thị thu gom, đạt 96%. Còn các xã khác chưa có đội thu gom rác thải.

- Tình hình xử lý rác thải ở địa phương: Hiện nay trên địa bàn huyện chưa có bãi thu gom và xử lý chất thải rắn hợp vệ sinh. Chất thải rắn được thu gom và xử lý theo phương pháp san ủi, chôn lấp đơn thuần.

- Tình hình thu gom tiêu thoát nước: Hiện nay một số xã trên địa bàn có hệ thống tiêu thoát nước nhưng tỷ lệ chưa cao.

9. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân:

9.1. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cán bộ, công chức xã

Nhằm từng bước trang bị, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ công chức cơ sở, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ cho đội ngũ cán bộ công chức, đảm bảo về chất lượng và hiệu quả trong thực thi công vụ. UBND huyện xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm và giai đoạn 5 năm; trong năm 2019 đã mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại huyện cho cán bộ công chức cấp xã với 465 người tham gia các lớp về kỹ năng lãnh đạo quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, tin học

9.2. Kết quả cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công

- UBND huyện đã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, tiến hành rà soát các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực đất đai, lâm nghiệp, giáo dục - đào tạo. Danh sách các thủ tục hành chính, mức phí, lệ phí và các giấy tờ, hồ sơ liên quan được niêm yết công

khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, người dân hoàn thiện hồ sơ, giám sát khi có nhu cầu.

- UBND huyện đã công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trên trang thông tin điện tử của huyện, đồng thời niêm yết, công khai tại trụ sở cơ quan và bộ phận một cửa Văn phòng UBND. Việc công khai niêm yết thủ tục hành chính tại trụ sở làm việc và Bộ phận một cửa là hình thức có hiệu quả nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức nghiên cứu, dễ dàng tiếp cận thực hiện.

- UBND huyện và các xã tiếp tục thực hiện công tác tiếp nhận và trả kết quả đúng quy định; kiện toàn đầy đủ thành viên của tổ tiếp nhận và trả kết quả và cấp đầy đủ phụ cấp theo quy định của UBND tỉnh. Phần lớn các xã thực hiện đầy đủ việc mở sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả, ghi chép các thông tin, ghi phiếu hẹn hồ sơ; bố trí được phòng tiếp nhận và trả kết quả, chỗ tiếp công dân, các thủ tục hành chính được niêm yết công khai, rõ ràng và minh bạch theo quy định.

- Dịch vụ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) cũng đã được UBND huyện chú trọng thực hiện, hiện tại đang được xây dựng để giao dịch vụ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân tiếp cận được các cơ quan nhà nước, giải quyết, xử lý các thủ tục hành chính một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất, ngăn ngừa hành vi tiêu cực trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính.

9.3. Kết quả đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân

Để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng, đánh giá địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định của Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, UBND huyện ban hành Công văn về việc tiếp tục triển khai, thực hiện Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 07/2017/TT-BTP về xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Kế hoạch số 332/KH-UBND ngày 30/8/2017 về triển khai thực hiện xây dựng xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn huyện. Đồng thời, đã tổ chức tập huấn nghiệp vụ và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện công tác xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho lãnh đạo UBND, công chức Tư pháp - Hộ tịch các xã trên địa bàn huyện.

Riêng đối với 04 xã năm 2018 không đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, UBND huyện đã ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và đề ra giải pháp tối ưu, khắc phục những khó khăn, hạn chế, hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

9.4. Kết quả thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”

Thực hiện chỉ đạo của cấp trên, ngay trong cuộc họp đầu năm, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện đã triển khai cho các xã đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện cuộc vận

động xây dựng gia đình 5 không 3 sạch. Các cơ sở Hội tiến hành khảo sát số liệu "xây dựng gia đình 5 không 3 sạch" về từng hội viên, hướng dẫn các nội dung 8 tiêu chí, cách thức thực hiện về tự đánh giá, bình xét đầu năm vào dịp 8/3. Tổ chức cho các chi hội đăng ký "Gia đình 5 không 3 sạch" kết quả đến nay có hơn 10 nghìn hộ gia đình đăng ký thực hiện.

Để góp phần thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình 5 không 3 sạch đạt hiệu quả cao, được sự quan tâm chỉ đạo của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và cấp ủy Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện đã xây dựng mô hình điểm chi hội 5 không 3 sạch, mô hình CLB tiết kiệm ve chai ủng hộ phụ nữ nghèo, CLB không có người thân vi phạm pháp luật, CLB sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, CLB 3 sạch bảo vệ môi trường. Được sự quan tâm của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh xây dựng 1 mô hình phụ nữ và trẻ em phòng tránh xâm hại tình dục. Công tác vệ sinh môi trường ngày càng được người dân đặc biệt quan tâm, các tổ thu gom rác thải trên địa bàn toàn huyện hoạt động có hiệu quả. Tại hội phụ nữ xã các chi hội vận động hội viên, phụ nữ thu gom và phân loại rác thải tại hộ gia đình, và trung chuyển về bãi rác để xử lý, thu gom và xử lý rác thải đường làng ngõ xóm tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp. Nhiều đoạn đường được các chi hội nhận chăm sóc, dọn dẹp vệ sinh hàng tuần. Trong năm cũng đã xây dựng được 3 đường hoa chi hội tại xã Tân Thành. 3 góc bếp yêu thương tại. Các mô hình đang phát huy hiệu quả góp phần vào cuộc vận động xây dựng gia đình 5 không 3 sạch tại địa phương.

10. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các lực lượng được tăng cường nhằm nắm chắc tình hình quốc phòng – an ninh trên địa bàn. Hoàn chỉnh kế hoạch quốc phòng – quân sự xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên năm 2019 theo quy định. Tổ chức đón quân nhân hoàn thành nghĩa vụ tại ngũ trở về địa phương, tổ chức khám nghĩa vụ quân sự năm 2019 cho công dân, chuẩn bị tốt các điều kiện hiệp đồng, tuyển quân, giao nhận quân nhập ngũ năm 2019 đảm bảo an toàn, đúng quy định. Thường xuyên theo dõi, nắm chắc số lượng và chất lượng cơ sở kỹ thuật và phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu.

Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn cơ bản ổn định, chú trọng chỉ đạo kiểm tra, kiểm soát, tăng cường công tác tấn công trấn áp tội phạm, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tập trung triển khai thực hiện tốt công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, các tệ nạn xã hội. Xây dựng Đề án và triển khai kế hoạch thực hiện nâng cao hiệu quả công tác phòng chống ma túy trên địa bàn huyện.

11. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

* Kết quả huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình: 82.693 triệu đồng, phân theo các nguồn:

- Vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương: 37.270 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 4.330 triệu đồng.

- Vốn ngân sách địa phương: 1.300 triệu đồng (Ngân sách tỉnh)
 - Vốn lồng ghép các chương trình, dự án (chương trình MTQG giảm nghèo bền vững): 37.528 triệu đồng
 - Đóng góp của người dân: 2.265 triệu đồng (ngay công và hiện vật quy đổi)
- Trong đó, đầu tư các công trình thuộc nguồn đầu tư phát triển ngân sách trung ương và địa phương là 38.570 triệu đồng chia theo hạng mục:
- + Xây dựng giao thông nông thôn: 34.536,11 triệu đồng, chiếm 89,54 %
 - + Cơ sở vật chất văn hóa: 1.700 triệu đồng, chiếm 4,41 %
 - + Trường học: 2.033,89 triệu đồng, chiếm 5,27 %
 - + Công trình nước sạch: 300 triệu đồng, chiếm 0,78 %

(Chi tiết theo Phụ biểu kèm theo)

12. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM

Tổng số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới toàn huyện cuối năm 2019 là 236 tiêu chí, bình quân đạt 11,8 tiêu chí/xã, so với toàn tỉnh thì thấp hơn bình quân toàn. Xã Tân Hợp đăng ký đạt chuẩn kiểu mẫu năm 2020 đạt 8/12 tiêu chí. Trong năm 2019, không có xã nào đăng ký xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới

(Có phụ biểu kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật đã đạt được

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn phát triển nhanh, nổi bật nhất là hệ thống đường giao thông, trường học, văn hóa - thể thao cơ sở...tạo ra diện mạo mới cho khu vực nông thôn của huyện.
- Cơ cấu kinh tế nông thôn tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ, nâng cao chất lượng - hiệu quả sản xuất, nhất là các sản phẩm thế mạnh của huyện (cà phê, chuối, hồ tiêu,...). Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển ổn định, một số cây trồng mới phù hợp với điều kiện tại địa bàn được nhân rộng phát triển có tiềm năng như: Chanh dây, Sachi, Macca...
- Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng được đẩy mạnh. Chất lượng giáo dục ngày càng tăng. Công tác phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt kết quả tốt, tỷ lệ người dân tham gia BHYT ngày một tăng.
- Hệ thống chính trị cơ sở không ngừng được củng cố và phát huy sức mạnh tổng hợp. Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ngày càng hoàn thiện cả về chính trị, năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và kỹ năng vận động quần chúng. An ninh, trật tự xã hội ở nông thôn tiếp tục được giữ vững và ổn định.
- Phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới được nhân dân và xã hội đồng tình hưởng ứng mạnh mẽ, tạo ra sức lan tỏa và thật sự mang lại hiệu quả thiết thực đối với chương trình xây dựng nông thôn mới như hiến đất, hiến công, tự nguyện giải phóng mặt bằng đóng góp xây dựng giao thông và các công trình phúc lợi khác. Đồng thời tổ chức các hoạt động của các cơ quan, đoàn thể trong phong trào thi đua "Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới". Vai trò

của các Đoàn thể trong phong trào thi đua được phát huy, có phong trào, địa chỉ cụ thể.

2. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu và nguyên nhân

2.1. Về công tác giáo dục

- Do nhận thức về việc học tập của phụ huynh, học sinh nên tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở học lên Trung học phổ thông, bỏ túc trung học của học sinh các xã vùng bản còn thấp.

- Điều kiện bảo đảm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, trẻ từ 6-11 tuổi đi học tiểu học còn nhiều khó khăn, một số trường mầm non thiếu đồ dung đồ chơi cho trẻ, thiếu đội ngũ cô nuôi.

- Chất lượng phổ cập giáo dục THCS chưa vững chắc ở một số địa phương, tỷ lệ đạt chuẩn phổ cập THCS vẫn còn thấp.

- Do hoàn cảnh gia đình, giao thông đi lại khó khăn, việc làm sau khi đi học nên đã ảnh hưởng đến tâm lý học lên, bỏ học giữa chừng ở cấp THCS nên tỷ lệ trẻ từ 15-18 tuổi có bằng tốt nghiệp THCS một số xã vùng bản thấp.

2.2. Về phát triển y tế cơ sở

- Cơ sở vật chất xuống cấp, trang thiết bị thiếu, lạc hậu, hỏng nhiều; Đội ngũ y bác sĩ trình độ chuyên môn còn hạn chế chưa triển khai được nhiều dịch vụ kỹ thuật do vậy công tác khám chữa bệnh chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân.

- Chất lượng các dịch vụ y tế tại các Trạm Y tế chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của nhân dân; năng lực, trình độ chuyên môn của một số cán bộ chưa đáp ứng với nhu cầu.

- Hoạt động khám chữa bệnh tại Trạm Y tế chưa được theo dõi, giám sát, kiểm tra thường xuyên, kịp thời; số bệnh nhân đến khám bệnh tại Trạm Y tế một số xã còn thấp.

2.3. Về lĩnh vực văn hóa

- Trong các tiêu chí thuộc lĩnh vực văn hóa, tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa (Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) là một trong những tiêu chí khó thực hiện. Nguồn vốn từ các Chương trình, dự án không đảm bảo để triển khai và quỹ đất ở địa phương còn hạn chế. Bên cạnh đó công tác xã hội hóa từ nhân dân cũng còn khó khăn, đặc biệt đối với các xã vùng sâu, vùng xa.

- Hoạt động của các Bưu điện văn hóa ở các xã kém hiệu quả.

2.4. Về công tác vệ sinh môi trường

Nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường ở cấp xã không có nên khó khăn trong việc hỗ trợ công tác thu gom, xử lý rác thải ở các xã vùng sâu, vùng xa chưa được triển khai thực hiện.

2.5. Về công tác tổ chức Đảng

- Ngân sách phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở còn hạn chế, chính sách hỗ trợ công tác đào tạo, bồi dưỡng còn ít so với nhu cầu thực tế.

- Một số chương trình đào tạo, bồi dưỡng còn nặng về lý luận, chưa đi sâu vào rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ công tác cho cán bộ, công chức. Do vậy, mặc dù đã được đào tạo, bồi dưỡng, một số cán bộ, công chức còn lúng túng trong việc thực hiện nhiệm vụ, năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành, giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

2.6. Về an ninh quốc phòng

- Trình độ năng lực chuyên môn của một số cán bộ chỉ huy trưởng Ban CHQS xã hạn chế; kết quả thực hiện nhiệm vụ có chất lượng thấp.

- Khu vực đất luyện tập, diễn tập hàng năm; đất thao trường huấn luyện, trường bắn của huyện đã được cấp sổ đỏ nhưng chưa có kinh phí đầu tư xây dựng các hạng mục công trình chiến đấu theo quy định.

- Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được quan tâm, chú trọng thực hiện, tuy nhiên tình hình phạm pháp hình sự, tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp, nhất là vi phạm pháp luật về ma túy.

2.7. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành

- Việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo của các phòng ban, ngành, các xã định kỳ hàng quý, 6 tháng và năm còn chậm.

- Về công tác tuyên truyền ở cơ sở còn mang tính hình thức, không thường xuyên, tác dụng và hiệu quả của việc nâng cao nhận thức còn thấp, nhất là nội dung, ý nghĩa, mục tiêu của chương trình.

Phần thứ hai

Phương hướng, nhiệm vụ năm 2020

I. MỤC TIÊU

1. Cấp xã:

- Nâng cao chất lượng các tiêu chí của 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Phần đầu có 01 xã đạt chuẩn Nông thôn mới. (xã Hướng Phùng)

- Số xã đạt từ: 15 - 17 tiêu chí: 03 - 05 xã.

- Số xã đạt từ: 10 - 14 tiêu chí: Các xã còn lại

- Không có xã đạt dưới 10 tiêu chí.

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 01 xã (xã Tân Hợp)

2. Cấp thôn.

- Số thôn, bản thuộc xã ĐBKK miền núi đạt chuẩn nông thôn mới: 22/130 thôn (chiếm 16,9%), trong đó có 08/37 (chiếm 21,6%) số thôn thuộc các xã ĐBKK thuộc Đề án 1385.

- Số thôn đạt nông thôn mới kiểu mẫu: 03 - 05 thôn.

- Mỗi xã đạt chuẩn nông thôn mới xây dựng 01- 02 thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Mỗi xã nằm trong Đề án 1385 của Thủ tướng Chính phủ có 02 - 03 thôn đạt chuẩn nông thôn mới.

- Chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn được cải thiện: Tăng thu nhập, giảm tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế tăng > 92%.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh uỷ và Huyện uỷ về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trọng tâm là Chỉ thị 11-CT/TU, ngày 14/12/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về *"tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới"*; Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 20/4/2017 của Tỉnh uỷ về *"đẩy mạnh cơ cấu nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025"*; Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND, ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh *"về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020"* và các văn bản, hướng dẫn của các cấp, các ngành về xây dựng nông thôn mới.

2. Nâng cao vai trò lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước, sự phối hợp của các phòng, ban, ngành, đoàn thể từ huyện đến cơ sở trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các xã phải chịu trách nhiệm về kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới tại địa phương mình. Các phòng, ban, ngành cấp huyện chịu trách nhiệm trong việc đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới thuộc ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách. Các cơ quan, đơn vị đỡ đầu các xã, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tiếp tục tăng cường hỗ trợ, giúp đỡ các xã và đảm nhận một số tiêu chí trong Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục thực hiện tốt công tác *"Ngày thứ bảy tình nguyện"*, trọng tâm vẫn là nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Nâng cao vai trò trách nhiệm của thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới các cấp, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc của các địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là cư dân nông thôn về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng nông thôn mới; làm cho người dân hiểu được Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là biện pháp tổng hợp để phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, không trông chờ vào sự đầu tư, hỗ trợ hoàn toàn của Nhà nước, phát huy vai trò và sự tham gia tích cực của chủ thể là cư dân nông thôn nhằm phát huy nội lực, huy động sức mạnh tổng hợp để thực hiện đạt kết quả. Khuyến khích người dân áp dụng khoa học kỹ thuật, chọn hướng sản xuất, quyết định đầu tư, thâm canh. Tích cực giải quyết tốt những khó khăn, bức xúc trong sản xuất, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống. Khuyến khích, động viên Nhân dân chỉnh trang nhà cửa, sân vườn, tường rào, tạo môi trường, cảnh quan sạch đẹp, văn minh.

4. Huy động tối đa nguồn lực, tiếp tục lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn ngày càng đồng bộ, hiệu quả. Gắn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông

thôn mới với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Phát huy hiệu quả các chương trình, dự án đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và của người dân. Quan tâm ưu tiên nguồn vốn đầu tư đối với các xã có tiêu chí đạt thấp, các xã đặc biệt khó khăn, biên giới. Bên cạnh nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, cần thực hiện tốt các chính sách về y tế, giáo dục, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân, từng bước cải thiện môi trường nông thôn. Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ngày càng vững mạnh; tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma túy; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn.

5. Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật công nghệ cao để đầu tư vào ngành nông nghiệp; xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; đổi mới tổ chức sản xuất trong các vùng sản xuất nguyên liệu chế biến theo chuỗi sản phẩm và chuỗi giá trị, trên cơ sở phát triển liên doanh, liên kết, vai trò doanh nghiệp chế biến làm nòng cốt theo hướng hình thành và phát triển các chuỗi giá trị gia tăng cao và bền vững; Liên kết gắn các hộ sản xuất trong vùng với các doanh nghiệp theo chuỗi sản phẩm nông - công nghiệp với các mô hình liên kết đầu tư sản xuất - thu mua - chế biến - tiêu thụ thực hiện phương châm cùng chia sẻ trách nhiệm, rủi ro và lợi ích; các hình thức sản xuất theo hợp đồng đối với các hộ nông dân với các doanh nghiệp. Gắn sản xuất với công nghiệp chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng đối với các sản phẩm có lợi thế của huyện như: Cà phê, cao su, chuối, bơ....Đổi mới phát triển kinh tế hợp tác và HTX. Khuyến khích hỗ trợ và tạo điều kiện phát triển kinh tế hợp tác trên cơ sở liên kết, liên minh giữa các hộ, các trang trại bằng nhiều hình thức, nhiều cấp độ để nâng cao hiệu quả kinh tế. Đổi mới và phát triển hệ thống quản lý và hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp; tăng cường sự liên kết, tham gia của các tổ chức xã hội. Thực hiện chuyển đổi HTX theo luật mới, phát triển loại hình HTX làm dịch vụ sản xuất; làm tốt dịch vụ đầu vào, đầu ra cho nông dân; tổ chức thực hiện tốt kế hoạch sản xuất, dịch vụ về thủy lợi, bảo vệ thực vật, thú y... hướng dẫn nông dân ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, liên kết với các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế để cung ứng vật tư và thu mua, chế biến, tiêu thụ nông sản cho nông dân. Gắn phát triển nông nghiệp với du lịch, du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh....

6. Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với các xã đã đạt chuẩn; xây dựng xã, thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; chú trọng xây dựng thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg, ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ *"Phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020"*; Quyết định số 3040/QĐ-UBND, ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh *"ban hành Bộ Tiêu chí và Quy định điều kiện,*

trình tự, thủ tục xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới thuộc các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã bãi ngang ven biển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019 - 2020". Tập trung nguồn vốn để đầu tư thực hiện dứt điểm các tiêu chí gần đạt chuẩn, các tiêu chí chưa đạt chuẩn.

7. Chú trọng công tác lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới; thực hiện tốt các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn như liên doanh, liên kết trong sản xuất, duy trì và tiếp tục hình thành các vùng chuyên canh tập trung gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ nông sản. Quan tâm chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật, xây dựng các mô hình nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Đổi mới và nâng cao hiệu quả của các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp; tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất cho người dân phát triển sản xuất. Chú trọng xây dựng thương hiệu, tìm kiếm đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện.

8. Làm tốt công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg, ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ "phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020". Phối hợp chặt chẽ giữa đào tạo nghề nông nghiệp, nghề phi nông nghiệp và đào tạo nghề cho học sinh theo mục tiêu đào tạo nghề của Chính phủ. Đa dạng hoá các loại hình dạy nghề; gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm để nâng cao thu nhập, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động trong khu vực nông thôn. Phát huy và nhân rộng các ngành nghề truyền thống. Quan tâm tổ chức các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, xây dựng các mô hình sản xuất có hiệu quả để nông dân học tập và làm theo.

9. Chỉ đạo các địa phương thường xuyên tổ chức, rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới, thực hiện chế độ thông tin báo cáo kịp thời; xây dựng kế hoạch, lộ trình phấn đấu cụ thể cho từng tiêu chí theo từng giai đoạn; không để xảy ra tình trạng "đứng tiêu chí" hoặc "giảm tiêu chí". Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các tiêu chí khó khăn nhất như: thu nhập, tỷ lệ hộ nghèo, lao động có việc làm... Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các xã tổ chức, thực hiện nguồn vốn xây dựng nông thôn mới hàng năm có hiệu quả. Thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch và thực hiện quy hoạch, nghiêm túc thực hiện các quy định về quản lý đầu tư, xây dựng, kiểm soát nợ đọng xây dựng cơ bản trên địa bàn.

10. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở trong công tác tuyên truyền, vận động thực hiện Chương trình. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; tăng cường xây dựng các mô hình giảm nghèo bền vững, mô hình sản xuất kinh doanh giỏi trong đoàn viên, hội viên; đẩy mạnh công tác giám sát và phản biện xã hội; tăng cường vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, thi đua

phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, góp phần xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Trong điều kiện ngân sách nhà nước còn khó khăn, sức dân lại có hạn, cần có những cơ chế ưu đãi, đủ sức hấp dẫn để mời gọi được nhiều doanh nghiệp về đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhân tố quan trọng trong tổ chức lại sản xuất, liên kết sản xuất, góp phần phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

- Xây dựng, ban hành định mức phân bổ vốn cho các xã trên cơ sở đánh giá các tiêu chí theo Đề án. Trong đó, ưu tiên phân bổ vốn cho các xã đặc biệt khó khăn, đồng thời tiếp tục đầu tư cho các xã đã đạt chuẩn để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới.

- Đề nghị các cấp tiếp tục quan tâm hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa, thể thao thiết thực đối với người dân, tạo điều kiện để phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể thao tại các xã, góp phần thực hiện tốt phong trào xây dựng nông thôn mới của huyện.

- Có kế hoạch phân kỳ đầu tư xây dựng trọng điểm nhà văn hóa và khu thể thao xã, thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- UBND huyện có chính sách hỗ trợ kinh phí cho công tác thu gom rác thải ở các xã./.

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới năm 2019 phương hướng, nhiệm vụ năm 2020 của huyện Hướng Hóa./.

Nơi nhận:

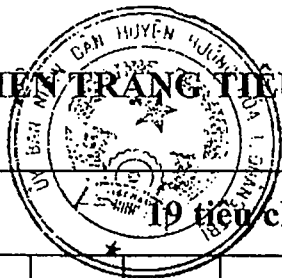
- UBND tỉnh;
- VPĐPNTM tỉnh;
- Các Sở: KH và ĐT; NN và PTNT;
- TT Huyện ủy;
- Các PCT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các Ban đảng, VP huyện ủy;
- Thành viên BCĐXDNTM huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- UBND các xã;
- C, PVP, CV;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



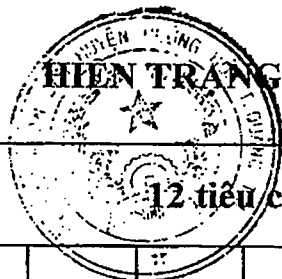
Đặng Trọng Vân

HIỆN TRẠNG TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019



19 tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới

T T	Xã	19 tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới																			Đạt 2019
		Quy hoạch	Giao thông	Thủy Lợi	Điện	Trường học	CSVC chất văn hóa	CSHT TM NT	TT và TT	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	LĐ có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục	Y tế	Văn Hoá	Môi trường và ATTP	HTCT và TCPL	Quốc phòng và An Ninh	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	XÃ HƯỚNG LẬP	X		X	X			X								X	X		X	X	8
2	XÃ HƯỚNG VIỆT	X	X	X	X			X					X			X	X			X	9
3	XÃ HƯỚNG PHÙNG	X		X	X			X	X	X			X	X	X	X	X		X	X	13
4	XÃ HƯỚNG LINH	X		X	X			X								X	X		X	X	8
5	XÃ HƯỚNG SƠN	X		X	X			X					X			X	X			X	8
6	XÃ HƯỚNG TÂN	X		X	X			X					X	X		X	X		X	X	10
7	XÃ TÂN HỢP	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19
8	XÃ HÚC	X			X			X					X			X	X		X	X	8
9	XÃ TÂN LIÊN	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19
10	XÃ TÂN LẬP	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19
11	XÃ TÂN LONG	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19
12	XÃ TÂN THÀNH	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19
13	THUẬN	X	X	X	X			X	X	X			X		X	X	X				11
14	HƯỚNG LỘC	X		X	X			X					X			X	X		X	X	9
15	THANH	X		X	X			X					X			X	X		X	X	9
16	A XING	X		X	X			X	X				X			X	X		X	X	10
17	A TÚC	X		X	X	X		X					X			X	X		X	X	10
18	XY	X		X	X			X	X				X			X	X		X	X	10
19	A DƠI	X		X	X			X					X			X	X		X	X	9
20	BA TÀNG	X		X	X			X					X			X	X		X	X	9
Tổng		20	7	19	20	6	5	20	9	7	5	5	18	7	7	20	20	5	17	19	236



HIỆN TRẠNG TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU NĂM 2019

[illegible]

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
NĂM 2019**



DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Kết quả huy động 2019	Dự kiến năm 2020
	TỔNG SỐ	82.693	82.693	90.962
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	41.600,0	41.600	45.760
1	Trái phiếu Chính phủ	0	-	-
2	Đầu tư phát triển	37.270,0	37.270	40.997
3	Sự nghiệp	4.330	4.330	4.763
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.300	1.300	1.430
1	Tỉnh	1.300	1.300	1.430
2	Huyện		-	-
3	Xã		-	-
III	VỐN LÒNG GHÉP	37.528	37.528	41.281
IV	VỐN TÍN DỤNG (*)		-	-
V	VỐN DOANH NGHIỆP		-	-
VI	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ	2.265	2.265	2.492
1	Tiền mặt	0	-	-
2	Ngày công và hiện vật quy đổi	2.265	2.265	2.492

(*): **Vốn tín dụng**: do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cung cấp theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019

TT	MỤC TIÊU	Kết quả thực hiện năm 2018	Thực hiện 6 tháng 2019	Đạt năm 2019	Ghi chú
1	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã	11,55	11,55	11,8	
2	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã nghèo, đặc biệt khó khăn				
3	Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã				
	Số xã đạt chuẩn (19 tiêu chí) đã có QĐ công nhận	5	5	5	
	Số xã đạt 18 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 17 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 16 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 15 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 14 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 13 tiêu chí	1	1	1	
	Số xã đạt 12 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 11 tiêu chí	1	0	1	
	Số xã đạt 10 tiêu chí	2	3	4	
	Số xã đạt 09 tiêu chí	6	6	5	
	Số xã đạt 08 tiêu chí	4	4	4	
	Số xã đạt 07 tiêu chí	0	1	0	
	Số xã đạt 06 tiêu chí	1	0	0	
	Số xã đạt 05 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 04 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 01 tiêu chí	0	0	0	
4	Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí			236	
	Số xã đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch	20	20	20	
	Số xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông	6	7	7	
	Số xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi	18	19	19	
	Số xã đạt tiêu chí số 4 về điện	19	20	20	
	Số xã đạt tiêu chí số 5 về trường học	6	6	6	

TT	MỤC TIÊU	Kết quả thực hiện năm 2018	Thực hiện 6 tháng 2019	Đạt năm 2019	Ghi chú
	Số xã đạt tiêu chí số 6 CSVC văn hóa	7	5	5	
	Số xã đạt tiêu chí số 7 về CSHTTMNT	20	20	20	
	Số xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin và TT	7	4	9	
	Số xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư	6	6	7	
	Số xã đạt tiêu chí số 10 thu nhập	5	5	5	
	Số xã đạt tiêu chí số 11 hộ nghèo	5	5	5	
	Số xã đạt tiêu chí số 12 Lao động có việc làm	17	17	18	
	Số xã đạt tiêu chí số 13 TCSX	6	7	7	
	Số xã đạt tiêu chí số 14 GD - ĐT	6	6	7	
	Số xã đạt tiêu chí số 15 Y tế	20	20	20	
	Số xã đạt tiêu chí số 16 Văn hóa	19	20	20	
	Số xã đạt tiêu chí số 17 Môi trường và an toàn thực phẩm	6	5	5	
	Số xã đạt tiêu chí số 18 HTCT và TCPL	16	16	17	
	Số xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh	20	20	19	